TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:03/2019/DS-ST
Ngày: 26- 4- 2019
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Hà Văn Quen

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2018/TLST- DS, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX-ST ngày 08/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Quang V, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khóm A, phường B, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A, xã L, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: khóm A, phường B, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Quang V là nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên vào ngày 18/5/2018 dương lịch ông có cho bà Trần Thị Kim H vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng (mỗi tháng bằng 10.500.000đồng). Để đảm bảo khoản tiền vay ông có viết tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất bà H ký tên và đã thế chấp giao cho ông

01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 009715 thửa 251, tờ bản đồ 21, diện tích 196m^2 do bà Trần Thị Kim H đứng tên, đất tọa lạc ấp 16, xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải và hiện nay ông đang quản lý. Nội dung trong tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất bà H có thỏa thuận trả lãi hàng tháng, trong vòng 06 tháng kHg thanh toán trả tiền lãi sẽ được tính chồng tiền lãi. Từ khi vay cho đến nay bà H kHg thực hiện đóng lãi hàng tháng, ông có đòi nhiều lần nhưng bà H không thực hiện và cố tính tránh né. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim H trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 18/5/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 3%/ tháng đối với số tiền nợ gốc. Về phần phần lãi tại phiên hòa giải ngày 21/3/2019 và tại phiên tòa ông V thay đổi yêu cầu tính lãi suất chỉ còn 1,66%/tháng đối số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu trả một lần, khi nhận đủ tiền vốn và lãi ông đồng ý trả lại cho bà Trần Thị Kim H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng nói trên cho bà Trần Thị Kim H.

- *Bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:*Bà thừa nhận vào ngày 18/5/2018 dương lịch bà có vay của ông Lâm Quang V số tiền vốn vay 350.000.000 đồng, mục đích vay để hùn nuôi tôm. Sau khi thỏa thuận vay tiền ông V có soạn tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất và bà giao 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 009715 thửa 251, tờ bản đồ 21, diện tích 196m^2 do bà đứng tên, đất tọa lạc ấp 16, xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải cho ông V quản lý bà và ông V cùng ký tên, thời hạn vay 02 năm, lãi suất 3%/tháng đối số tiền nợ gốc, mỗi tháng tiền lãi bằng 10.500.000 đồng. Bà thỏa thuận trả tiền lãi hàng tháng và trong vòng 06 tháng không trả tiền lãi thì sẽ được tính lãi chồng lên. Do nuôi tôm thua lỗ nên hàng tháng không đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho anh V. Nay bà đồng ý trả cho ông Lâm Quang V số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất ngày 18/5/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền nợ gốc, nhưng xin trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi thanh toán trả đủ số tiền nợ gốc và tiếp tục sẽ trả lãi. Khi thanh toán trả đủ tiền vốn lãi thì mới nhận lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 009715 thửa 251, tờ bản đồ 21, diện tích 196m^2 do bà Trần Thị Kim H đứng tên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất lời trình bày của ông Lâm Quang V và có yêu cầu như ông V.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Quang V yêu cầu bà Trần Thị Kim H trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng. Ông thay đổi yêu cầu tính lãi suất chỉ còn 1,66%/tháng từ ngày vay 18/5/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng yêu cầu trả một lần, khi nhận đủ tiền vốn và lãi ông đồng ý trả lại cho bà Trần Thị Kim H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H số phát hành CN 009715, số vào sổ GCN: CS08666 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 19/4/2018.

Bị đơn bà H đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu của nguyên đơn ông V, nhưng xin trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Khi thanh toán hết gốc, lãi sẽ nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ông V buộc bà H trả khoản nợ gốc đã vay là 350.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi nguyên đơn yêu cầu thay đổi mức lãi suất chỉ còn 1,66%/tháng đối nợ gốc từ ngày 18/5/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất này không vượt quá 20%/năm nên cần chấp nhận.

- Về việc thống nhất giữa bà H và ông V trong việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 251 sau khi bà H trả đủ tiền gốc, lãi cho ông V. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện nên cần được ghi nhận.

- Về án phí: Đương sự trong vụ án phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Lâm Quang V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim H trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi được tính theo lãi suất 1,66% trên số nợ gốc từ ngày 18/5/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã L, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy nội dung theo tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất ngày 18/5/2018 dương lịch thể hiện ông V có cho bà H vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 3%/ tháng và bà H đã giao 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 009715 thửa 251, tờ bản đồ 21, diện tích 196m^2 để vay số tiền vốn 350.000.000 đồng đến nay chưa trả vốn và lãi . Điều này được ông V và bà H đã thừa nhận, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên bà H có vay 350.000.000 đồng khi đến tháng bà H không thực hiện

trả tiền lãi. Như vậy, giao dịch giữa ông V với bà H có nội dung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ xác định hợp đồng vay giữa ông V và bà H là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Phía bà H từ khi vay đến nay không trả tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc ông V khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ gốc nợ lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự .

[4] Xét yêu cầu trả lãi: Đối với giao dịch của các đương sự thể hiện là vay có lãi, tại tờ hợp đồng cầm cố nhà và đất có nội dung thể hiện lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng. Do bà H làm ăn thua lỗ nên nay ông V thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 18-5-2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc thỏa thuận bà H đồng ý trả tiền lãi từ ngày 18/5/2018 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/ tháng đối với số tiền nợ gốc là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự , Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 1,66%/tháng để tính khoản tiền lãi mà bà H trả cho ông V. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 18/5/2018 đến ngày 26/4/2019 (dương lịch) là 338 ngày x 350.000.000 đồng x 1,66% : 30 ngày trung bình = 65.459.333 đồng.

[5] Do bà H từ khi vay đến nay kHg trả tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Quang V, buộc bà Trần Thị Kim H trả cho ông V tổng cộng nợ gốc và lãi bằng số tiền 415.459.333 đồng

[6] Công nhận sự tự nguyện của ông V đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H số phát hành CN 009715, số vào sổ GCN: CS08666 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà V cấp cho bà Trần Thị Kim H ngày 19/4/2018 sau khi bà H trả xong nợ vốn lãi cho ông V.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Quang V được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn bà Trần Thị Kim H phải chịu 20.618.373 đồng án phí dân sự sơ thẩm với số tiền phải trả cho ông V là 415.459.333 đồng (15.459.333 đồng x 4% + 20.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang V yêu cầu bà Trần Thị Kim H trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 65.459.333 đồng.

Buộc bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Lâm Quang V số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/5/2018 đến ngày 26/4/2019 dương lịch bằng 65.459.333 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi bằng số tiền 415.459.333 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

2. Công nhận sự tự nguyện của ông V đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H số phát hành CN 009715, số vào sổ GCN: CS08666 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Trần Thị Kim H ngày 19/4/2018, sau khi bà H trả xong nợ vốn lãi cho ông V.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim H phải chịu 20.618.373 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lâm Quang V không phải chịu án phí, hoàn trả cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.470.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019547 ngày 25/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng